

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thụy Thu T, sinh năm 1980

HKTT: xã T1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu; Tạm trú: Ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Long An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1977

HKTT: xã T1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa– Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thụy Thu T trình bày:

Bà T và ông Trần Ngọc M tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012, không tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, thành phố B, giấy chứng nhận số A, quyền B ngày C. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống tại xã T2, huyện C2, tỉnh Long An đến tháng 10/2016, sau thời điểm này thì vợ chồng mâu thuẫn nhau nên bà T về sống tại ấp Đ, xã Đ1, huyện Đ2, tỉnh Long An đến nay. Thời điểm chung sống thì cuộc sống chung không mấy hạnh phúc và xảy ra nhiều mâu thuẫn do có nhiều bất đồng, ông M là người không nghề nghiệp, nghiện ngập, đã từng đi chấp hành hình phạt tù, nhưng khi trở về không chịu thay

đổi mà hay kiểm soát quấy phá, đánh chửi bà, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, bà T làm lụng vất vả nuôi con nhưng cuộc sống không được yên. Bà T đã nhiều lần tự hòa giải, hàn gắn với ông M nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống cũng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông M có 01 con chung tên Trần Đoàn Phi L, sinh ngày 02/11/2012. Khi vợ chồng mâu thuẫn nhau thì con sống với bà T tại tỉnh Long An, nay bà tiếp tục đề nghị được nuôi con, không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông M:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; triệu tập ông M đến tòa làm việc, hòa giải và yêu cầu cung cấp chứng cứ nhưng ông M đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng đến nay ông M vẫn không đến tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B cho rằng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong hạn luật định theo Điều 28, 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thu thập chứng cứ đầy đủ, việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và trình tự tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn, con chung; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Căn cứ vào kết quả xác minh thì bị đơn có đăng ký HKTT tại thành phố B, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Bà T và ông M tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không mấy hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn xung đột. Mâu thuẫn vợ chồng là có thật thể hiện rõ ở việc vợ chồng không chung sống một nhà mà sống ly thân mỗi người một nơi. Khi giải quyết vụ án ông M không hợp tác, ý kiến của bà T tại hồ sơ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn do bà xác định hiện nay cả hai không còn tình cảm với nhau.

Do vậy, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà T ông M có 01 con chung như đã trình bày, khi ly hôn bà T có nguyện vọng được nuôi con là phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc thực tế. Vì vậy chấp nhận giao con cho bà T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng bà T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thụy Thu T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông M.

Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 02/11/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông M có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008124 ngày 14/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Người vắng mặt thì thời hạn tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND xã T1, Tp B;
- (Số A, Quyền B);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Anh

